UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 783/TB-STC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2018

THÔNG BÁO
V/v kê khai giá mặt hàng khí hóa lỏng (gas) của các tổ chức, cá nhân kê khai giá tại Sở Tài chính

Căn cứ Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang;

Thực hiện Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 20/1/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân cấp thẩm quyền thông báo danh sách thực hiện đăng ký giá, kê khai giá; tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá và văn bản kê khai giá trên địa bàn tỉnh An Giang và Thông báo số 105/TB-UBND ngày 24/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành danh sách các tổ chức, sản xuất kinh doanh hàng hóa thực hiện đăng ký giá, kê khai giá tại Sở Tài chính An Giang.

Sở Tài chính đã nhận được Hồ sơ kê khai giá khí hóa lỏng (gas) của 13 tổ chức, cá nhân kinh doanh khí hóa lỏng (gas) trên địa bàn tỉnh; gồm: Công ty TNHH TM-DV Mỹ Hòa, DNTN Lê Văn Tiền I, DNTN Đức Ký, DNTN Tứ Phát, Công ty TNHH MTV Lê Văn Tiền, Công ty TNHH MTV TM Trần Huỳnh Quang, Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang, Công ty TNHH Gas Toàn Nga, Chi nhánh Công ty Cổ phần TM Gas Bình Minh, DNTN Nguyễn Thị Bo, Công ty TNHH TM-DV Thùy Trinh, DNTN Bùi Văn Tấn, Công ty TNHH MTV An Tánh.

Căn cứ Hồ sơ kê khai giá khí hóa lỏng (gas) của các tổ chức, cá nhân kinh doanh khí hóa lỏng (gas), Sở Tài chính thông báo mức giá khí hóa lỏng (gas) của 13 tổ chức, cá nhân kê khai giá tại Sở Tài chính.

(Theo phụ lục đính kèm)

Sở Tài chính thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết./.

Nơi nhận:
- Cục Quản lý giá (BTC);
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng TC-KH các huyện, TX, TP;
- Chi cục Quản lý thị trường;
- Các Cty, DN theo phụ lục đính kèm;
- Báo AG, Đài PTTH An Giang;
- Ban Giám đốc, Thanh tra Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VP, P.GCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH AN GIANG

Nguyễn Điền Tân

Phụ lục

BẢNG GIÁ MẶT HÀNG KHÍ HÓA LỎNG (GAS) KÊ KHAI GIÁ TẠI SỞ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Thông báo số 783 /TB-STC ngày 15 /6/2018 của Sở Tài chính)

I/CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU AN GIANG (Số 1602 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 01/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)	Giá kê khai bán buôn (bao gồm thuế VAT)
1	Gas PETROLIMEX	LPG loại 12kg, van ngang và van đứng	đồng/chai	344.000	315.374
2	Gas PETROLIMEX	LPG loại 48kg	đồng/chai	1.420.000	1.296.187

II/ CÔNG TY TNHH TM-DV MỸ HÒA (Số 693/10, tỉnh lộ 943, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 04/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)	Giá kê khai bán buôn (bao gồm thuế VAT)
1	Gas SP (xám, đỏ)	12kg	đồng/bình	302.000	295.000
2	Gas ELF (đỏ)	12,5kg	đồng/bình	329.900	321.900
3	Gas TOTAL (xám, cam, xanh)	12kg	đồng/bình	295.900	288.900
4	Gas SP 45kg	45kg	đồng/bình	1.087.500	1.066.500

III/ CÔNG TY TNHH SX TM DV THÙY TRINH (Số 1100/10B, khóm Tây Khánh 6, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 04/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)	Giá kê khai bán buôn (bao gồm thuế VAT)
1	Gas PetroVietNam (màu xám, hồng, đỏ)	12kg	đồng/bình	293.000	286.000
2	Gas SHELL chụp (Siamgas-tên mới của nhãn hiệu Shell gas)	12kg	đồng/bình	325.000	
3	Gas Petrolimex	12kg	đồng/bình	292.000	

IV/ DNTN ĐỨC KÝ (Số 54, đường Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 01/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)
1	Gas ELF (đỏ)	12,5kg	đồng/bình	345.000
2	Gas TOTAL (cam)	12kg	đồng/bình	315.000
3	Gas TOTAL (xanh, xám)	12kg	đồng/bình	315.000

V/ DNTN LÊ VĂN TIỀN I (Số 42A, Trần Hưng Đạo, khóm Trung Hưng, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 01/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)	Giá kê khai bán buôn (bao gồm thuế VAT)
1	ELF GAZ (đỏ)	12,5kg	đồng/bình	360.000	310.000
2	ELF GAZ (đỏ)	39kg	đồng/bình	1.036.100	1.016.100
3	TOTAL GAZ (xám, cam)	12kg	đồng/bình	322.600	267.600
4	TOTAL GAZ (cam)	45kg	đồng/bình	1.091.400	1.071.400
5	SAIGONPETRO Gas	12kg	đồng/bình	329.500	269.500
6	SAIGONPETRO Gas	45kg	đồng/bình	1.202.500	1.172.500
7	ORIGIN Gas (xám, xanh, đỏ)	12kg	đồng/bình	310.000	263.000
8	TOTALGAZ xanh	12kg	đồng/bình	321.600	264.600

VI/ CÔNG TY TNHH MTV LÊ VĂN TIỀN (Số 24/1, khóm Đông Thịnh I, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 04/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)	Giá kê khai bán buôn (bao gồm thuế VAT)
1	SHELL (SIAM) van chụp	12kg	đồng/bình	362.000	299.000

VII/ CÔNG TY TNHH MTV AN TÁNH (Số 9, 11 Phan Đình Phùng, phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 04/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)
1	ELF Gaz	12,5kg/bình	đồng/bình	335.000
2	TOTAL Gaz (xám)	12kg/bình	đồng/bình	305.000
3	TOTAL Gaz (xanh)	12kg/bình	đồng/bình	305.000
4	TOTAL Gaz (cam)	12kg/bình	đồng/bình	305.000
5	SAIGONPETRO (Gas SP) (xám)	12kg/bình	đồng/bình	285.000
6	SAIGONPETRO (Gas SP) (xám)	45kg/bình	đồng/bình	1.130.000

VIII/ DNTN NGUYỄN THỊ BO (ấp Vĩnh Thắng, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, AG): áp dụng thực hiện ngày 06/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)
1	TOTAL Gas	Bình 12kg	đồng/bình	296.900
2	SP 12 Gas	Bình 12kg	đồng/bình	306.000

IX/ CÔNG TY TNHH MTV TM TRẦN HUỲNH QUANG (Số 202A, Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 07/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)	Giá kê khai bán buôn (bao gồm thuế VAT)
1	ELFGAZ	12,5kg/bình	đồng/bình	336.000	303.000
2	TOTALGAZ Xanh, Xám, Cam, Petronas	12kg/bình	đồng/bình	299.000	263.000
3	PETIMEX Gas	12kg/bình	đồng/bình	299.000	252.000
4	HD Gas	12kg/bình	đồng/bình	299.000	252.000
5	VT Gas	12kg/bình	đồng/bình	299.000	252.000

X/ DNTN BÙI VĂN TẤN (Đường Liên xã, xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 07/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)
1	TOTAL Gas	12kg/bình	đồng/bình	293.500
2	HD Gas	12kg/bình	đồng/bình	294.500
3	VT Gas	12kg/bình	đồng/bình	294.500

XI/ CHI NHÁNH CÔNG TY CP TM GAS BÌNH MINH (Số 10c5b, Đốc Binh Kiều, phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 08/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)
1	Gas Gia Đình Xám 12 kg	12kg	đồng/bình	361.000
2	Gas Gia Đình Đỏ 12 kg	12kg	đồng/bình	373.000
3	Gas Gia Đình Xanh 12 kg (van C20)	12kg	đồng/bình	373.000
4	Gas Gia Đình Xanh 12 kg (van C21)	12kg	đồng/bình	373.000
5	Gas Gia Đình 45 kg	45kg	đồng/bình	1.247.000

XII/ CÔNG TY TNHH GAS TOÀN NGA (Số 96/1C, Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 11/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)	Giá kê khai bán buôn (bao gồm thuế VAT)
1	Gas PETIMEX	12kg	đồng/bình	257.000	247.000
2	PETIMEX 45kg	45kg	đồng/bình	958.500	

XIII/ DNTN TỨ PHÁT (Số 54/64B, Trần Quang Khải, phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ ngày 11/6/2018

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách	Đơn vị tính	Giá kê khai bán lẻ (bao gồm thuế VAT)	Giá kê khai bán buôn (bao gồm thuế VAT)
1	Gas PETIMEX	12kg	đồng/bình	308.500	287.500
2	PETIMEX 45kg	45kg	đồng/bình	1.285.000	1.126.500